

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HNGD-PT

Ngày: 27-5-2021

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Cảnh.

*Các Thẩm phán:*

1. Ông Trần Văn Quán.

2. Ông Nguyễn Thiện Tâm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Yến Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh LA.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh LA tham gia phiên tòa:** Bà Mai Thị Phương Thảo – Kiểm sát viên.

Vào ngày 27 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh LA mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2021/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021 về việc “tranh chấp ly hôn”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 06/2020/HNGĐ-ST ngày 20-01-2021 của Tòa án nhân dân huyện CG bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 19/2021/QĐ-PT ngày 12 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp Thạnh Trung, xã PVĐ, huyện CG, tỉnh LA.

**Bị đơn:** Ông Võ Thành L, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số 469 ấp Thạnh Trung, xã PVĐ, huyện CG, tỉnh LA.

**Người kháng cáo:** Ông Võ Thành L.

(Bà T, ông L có mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 24/02/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 27/7/2020, đơn xin rút đơn khởi kiện ngày 04/11/2020, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Huỳnh Thị T trình bày:

Bà và ông Võ Thành L sống với nhau từ năm 1996, có đăng ký kết hôn, tại Ủy ban nhân dân xã PVĐ, huyện CG, tỉnh LA. Thời gian đầu bà và ông L chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2005 trở đi, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm

trọng. Nguyên nhân là do ông L không chăm lo cho gia đình, một mình bà T lo cho hai người con. Ông L hay thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện đánh bà. Bà đã chịu đựng và đã về nhà mẹ ruột sống. Nhiều lần, ông L và gia đình sang bên gia đình cha mẹ của bà thuyết phục; bà cũng đã cho ông L nhiều cơ hội nhưng ông L không quan tâm đến bà và các con. Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng vẫn tiếp tục kéo dài nên bà về nhà mẹ ruột sinh sống hơn 01 năm. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, bà yêu cầu ly hôn với ông L.

Về con chung: bà và ông L có 02 con chung tên Võ Minh Thành, sinh ngày 03/12/1997 và Võ Minh Sang, sinh ngày 24/02/2000. Các người con đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Bà và ông L có tài sản 300m<sup>2</sup> đất trồng lúa, thửa đất 1453, tờ bản đồ số 5, đất tại ấp Thạnh Trung, xã PVD, huyện CG, do cha chồng là ông Võ Văn Hên chuyển quyền cho bà vào ngày 14/4/2008, trên đó có căn nhà cấp 4. Bà xác định đất của cá nhân bà mua, bà T trả tiền cho cha chồng. Nhà trên đất là tài sản chung nhưng bà không yêu cầu chia mà để lại cho các con. Trong thời gian sống chung bà và ông L có tạo lập được một thửa đất số 1268, tờ bản đồ số 5, đất lúa diện tích 1.655m<sup>2</sup>, ông Võ Thành L đứng tên. Bà đã làm đơn yêu cầu chia  $\frac{1}{2}$  giá trị đất và đã nộp tiền tạm ứng án phí vào ngày 28/7/2020 nhưng đến ngày 04/11/2020 bà đã làm đơn xin rút đơn khởi kiện, không yêu cầu ông L chia  $\frac{1}{2}$  giá trị thửa đất 1268.

Về nợ chung: Bà và ông L không có nợ chung.

*Tại bản tự khai ngày 29/6/2020, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Võ Thành L trình bày:* Ông thống nhất với lời trình bày của bà Huỳnh Thị T về thời gian chung sống và thời điểm kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo bà T trình bày thì ông L không thống nhất. Giữa ông và bà T cũng có nhiều lần cãi nhau nhưng là những mâu thuẫn chung của bao nhiêu cặp vợ chồng khác. Ông không đồng ý với lời trình bày của bà T về việc ông không chăm lo cho gia đình. Ông đi làm thợ hồ, nuôi tôm để cùng bà T chăm lo cho con. Hiện bà T đang sống cùng với gia đình cha mẹ ruột ở Cần Giơ. Ông có qua thuyết phục nhưng vợ chồng không hàn gắn được. Nay bà T yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý ly hôn với bà T vì mâu thuẫn vợ chồng không có gì lớn. Hai người con của ông và bà T tuy đủ tuổi thành niên nhưng chưa lập gia đình, ông muốn hai cháu có cả cha và mẹ để cùng nhau lo cho hai con.

Về con chung: Theo bà T trình bày ông L đồng ý, các con đều đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tại biên bản hòa giải ngày 22/7/2020, ông có trình bày về phần tài sản như sau: thời gian chung sống, ông và bà T đứng tên 300m<sup>2</sup> đất trồng lúa, thửa đất 1453, tờ bản đồ số 5, đất tại ấp Thạnh Trung, xã PVD, huyện CG, bà T được cha chồng là ông Võ Văn Hên tặng cho ngày 14/4/2008, trên đó có căn nhà cấp 4. Ông xác định đất và nhà là tài sản chung của vợ chồng nên ông sẽ yêu cầu chia  $\frac{1}{2}$  giá trị đất và nhà. Ông không làm đơn yêu cầu chia tài sản chung mặc dù được Tòa án giải thích. Ngày 09/12/2020, ông làm đơn gửi Tòa án là cha của ông L có cho 300m<sup>2</sup> đất để cất nhà, nếu bà T xin ly hôn thì phần đất này trả lại

cho cha của ông. Ông Võ Thành Hên không làm đơn khởi kiện, ông cũng không làm đơn yêu cầu Tòa án chia tài sản chung.

Về nợ chung: Ông và bà T không có nợ chung.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 06/2021/HNGĐ-ST ngày 20-01-2021 của Tòa án nhân dân huyện CG đã căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 các Điều 35, 39, khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản chung của bà Huỳnh Thị T.
2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Huỳnh Thị T đối với bị đơn ông Võ Thành L.

Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị T được ly hôn ông Võ Thành L.

Về án phí: Bà Huỳnh Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002253 ngày 15/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CG, tỉnh LA, chuyển sang án phí.

Trả cho bà Huỳnh Thị T 3.750.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002542 ngày 28/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CG, tỉnh LA.

Ngoài ra, án còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ của các bên ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 19/3/2021, ông Võ Thành L kháng cáo không đồng ý ly hôn vợ, còn thương hai con và bà Huỳnh Thị T. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên không thỏa thuận được với nhau, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút kháng cáo và các đương sự tranh luận như sau:

- Ông Võ Thành L tranh luận: Có gì thì nói, nếu ông sai ông nhận tất cả chứ không nói tiếng nào lại bỏ đi. Việc nói ông không chăm lo gia đình, vợ con là không đúng vì ông cũng đi làm phụ giúp gia đình, cùng nuôi con trưởng thành. Vì vậy, ông không đồng ý ly hôn với bà Huỳnh Thị T.

- Bà Huỳnh Thị T tranh luận: Bà đã cho ông L cơ hội sửa chữa nhiều lần nhưng ông L vẫn như vậy, không chăm lo gia đình, không phụ giúp nuôi con chung, thường xuyên ăn nhậu, đánh đập bà. Bà đã chịu đựng để nuôi con khôn lớn, việc chịu đựng của bà đã quá đủ, bà không thể chịu đựng nữa nên kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông Võ Thành L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh LA tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về pháp luật tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử,

Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo tố tụng. Các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình. Kháng cáo hợp lệ đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung kháng cáo:

Bà T và ông L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PVD, huyện CG, tỉnh LA vào năm 2002 đúng với quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Bà T trình bày cuộc sống chung của vợ chồng bà không hạnh phúc, nguyên nhân chủ yếu là do ông L không chăm lo cho gia đình, một mình bà chăm lo cho hai đứa con. Ông L cũng hay thường xuyên đi uống rượu về đánh bà T, tình cảm vợ chồng không còn, bà T không thể tiếp tục chung sống với ông L. Ông L không đồng ý ly hôn nhưng ông L không đưa ra được biện pháp để giải quyết mâu thuẫn. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ chấp nhận cho bà Hương ly hôn ông L là có cơ sở.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy kháng cáo của Võ Thành L không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Thành L; căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Võ Thành L kháng cáo hợp lệ và thực hiện đúng thủ tục tố tụng nên được chấp nhận xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 100, quyển số 01/2002 ngày 16/8/2002 của Ủy ban nhân dân xã PVD, huyện CG, tỉnh LA thì bà Huỳnh Thị T và ông Võ Thành L là vợ chồng hợp pháp.

[2.2] Bà T cho rằng cuộc sống chung của vợ chồng bà không hạnh phúc, ông L không chăm lo cho gia đình, một mình bà chăm lo cho hai đứa con chung; ông L cũng hay thường xuyên đi uống rượu về đánh bà T. Tại phiên tòa ông L cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng là mâu thuẫn thông thường như bao vợ chồng khác là không có cơ sở. Bởi lẽ, nếu mâu thuẫn nhỏ thì bà T không về bên ruột sinh sống và ông L không phải đến thuyết phục nhiều lần nhưng bà T không quay về chung sống với ông L như ông L thừa nhận tại phiên tòa.

[2.3] Mặt khác, ông L kháng cáo không đồng ý ly hôn với bà T như án sơ thẩm đã tuyên nhưng không đưa ra được biện pháp hàn gắn lại hạnh phúc gia đình được bà T đồng ý. Ngược lại, bà T kiên quyết ly hôn với ông T, thể hiện ý chí không còn muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân với ông L và hôn nhân là trên cơ sở tự nguyện theo quy định tại khoản 1 Điều 8 và quyền yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên pháp luật

không bắt buộc một người phải chung sống với người khác trái với ý muốn của họ.

[2.4] Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án với nội dung “*chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn...*” là chưa chính xác, lẽ ra phải tuyên “chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn...” vì nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện và Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ theo quy định. Bên cạnh đó, tại phần quyết định của án sơ thẩm không quyết định về phần con chung, nợ chung, cấp dưỡng là thiếu sót, mặc dù hai bên đương sự trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

Từ đó thấy rằng, “*...hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*” theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, kháng cáo của ông Võ Thành L không có cơ sở chấp nhận; lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Võ Thành L phải chịu theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Những nội dung khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 308, Điều 293, 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Võ Thành L.

Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 06/2021/HNGĐ-ST ngày 20-01-2021 của Tòa án nhân dân huyện CG, tỉnh LA.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 các Điều 35, 39, khoản 4 Điều 147, 148; Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Huỳnh Thị T đối với bị đơn ông Võ Thành L.

[1] Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị T được ly hôn ông Võ Thành L.

[2] Về con chung: Không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản chung của bà Huỳnh Thị T.

[4] Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[5] Về cấp dưỡng: Không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Buộc bà Huỳnh Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002253 ngày 15/05/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CG, tỉnh LA, chuyển sang án phí.

Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Thượng 3.750.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002542 ngày 28/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CG, tỉnh LA.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Võ Thành L phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng mà ông L đã tạm nộp theo biên lai thu số 0008380 ngày 19/3/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện CG, tỉnh LA.

[8] Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh LA;
- TAND cấp huyện;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Cảnh**